

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

I. Sự cần thiết phải tăng vốn điều lệ

Việc tiếp tục bổ sung vốn điều lệ cho ngân hàng là rất cần thiết, có ý nghĩa quan trọng để thực hiện các mục tiêu tăng trưởng của SeABank trong giai đoạn hiện nay, là cơ sở để SeABank tiếp tục nâng cao năng lực hoạt động, thúc đẩy quá trình phát triển, tăng cường năng lực tài chính và đáp ứng những nhu cầu sau:

1. Tăng năng lực tài chính của Ngân hàng thông qua việc nâng cao giá trị thực của vốn điều lệ so với mức vốn pháp định, giúp SeABank đứng vững trước những biến động của thị trường.
2. Tạo điều kiện đẩy mạnh kinh doanh và đảm bảo an toàn hoạt động của Ngân hàng:
 - Bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh;
 - Nâng cao các chỉ số an toàn của SeABank;
 - Nâng cao hạn mức cấp tín dụng đối với một khách hàng/ nhóm khách hàng;
 - Nâng cao khả năng thanh khoản của SeABank;
 - Tăng cường dự phòng rủi ro của SeABank theo chỉ đạo của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước trong năm 2021 và giai đoạn 2021-2025;
 - Nâng tỷ trọng đầu tư trung dài hạn.
3. Tạo điều kiện nâng cao chất lượng hoạt động của Ngân hàng: Nâng tỷ trọng đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang thiết bị hiện đại phục vụ cho hoạt động Ngân hàng, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng.
4. Tăng khả năng tài chính để mở rộng và phát triển mạng lưới các chi nhánh, phòng giao dịch của SeABank.

II. Kế hoạch tăng vốn điều lệ

1. Mức tăng vốn điều lệ:

- Mức vốn điều lệ hiện tại: 12.087.442.080.000 đồng.
- Tổng mức vốn điều lệ dự kiến tăng thêm: 4.510.557.920.000 đồng (*Bốn nghìn năm trăm mười tỷ năm trăm năm mươi bảy triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng*).
- Tổng số cổ phần tăng thêm: 451.055.792 (*Bốn trăm năm mươi một triệu không trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm chín mươi hai cổ phần*).
- Loại cổ phần phát hành: cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần (*mười nghìn đồng một cổ phần*).
- Tổng mệnh giá phát hành: 4.510.557.920.000 đồng (*Bốn nghìn năm trăm mười tỷ năm trăm năm mươi bảy triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng*).
- Tỷ lệ vốn phát hành thêm trên vốn điều lệ hiện tại: 37,3161%
- Mức vốn điều lệ dự kiến sau phát hành: 16.598.000.000.000 đồng, tương đương 1.659.800.000 cổ phần.



2. Phương án tăng vốn

Phù hợp với chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước, SeABank sẽ thực hiện tăng vốn điều lệ theo phương án sau:

2.1 Cấu phần 1: Phương án phát hành 110.244.161 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020 (“Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức”)

- a. Loại cổ phần phát hành: Toàn bộ là cổ phần phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.
- b. Vốn điều lệ trước khi phát hành: 12.087.442.080.000 đồng
- c. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 1.208.744.208 cổ phiếu
- d. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 110.244.161 cổ phiếu.
- e. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá dự kiến: 1.102.441.610.000 đồng (*Một nghìn một trăm linh hai tỷ bốn trăm bốn mươi một triệu sáu trăm mười nghìn đồng*).
- f. Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành: 13.189.883.690.000 đồng
- g. Tỷ lệ phát hành (*số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm phát hành*): 9,1206%
- h. Hình thức phát hành: trả cổ tức bằng cổ phiếu
- i. Đối tượng phát hành: các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của SeABank tại thời điểm chốt danh sách hưởng quyền để trả cổ tức bằng cổ phiếu theo quy định.
- j. Nguồn vốn thực hiện: Sử dụng nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế theo BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2020 tại thời điểm 31/12/2020 theo quy định.
(Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế theo BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2020 tại thời điểm 31/12/2020 là 1.126.826 triệu đồng. Trong đó, số tiền dự kiến sử dụng để trả cổ tức bằng cổ phiếu tối đa là 1.102.441.610.000 đồng).
- k. Nguyên tắc làm tròn: Số cổ phần được phát hành sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống.
- l. Nguyên tắc xử lý cổ phiếu lẻ: Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (được dùng để mua cổ phiếu theo quyết định của ĐHĐCĐ hoặc/ và HĐQT) để giao cho Công đoàn SeABank Hội sở mua và quản lý toàn bộ số cổ phần lẻ phát sinh.
- m. Các điều kiện liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của từng đối tượng: Không có
- n. Thời điểm phát hành: Trong năm 2021 phù hợp với quy định của pháp luật.
- o. Thời gian dự kiến hoàn thành: Trong năm 2021 phù hợp với quy định của pháp luật.
- p. Thông tin Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn; Danh sách cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 20% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn: Theo Phụ lục 01 và Phụ lục 02 đính kèm.

q. Giao và ủy quyền cho HĐQT:

- Quyết định thời điểm thực hiện chốt danh sách cổ đông và thực hiện các thủ tục xin chấp thuận của các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức;
- Xây dựng phương án phát hành, phương án xử lý cổ phiếu lẻ chi tiết để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, thủ tục trình các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật;
- Thực hiện các thủ tục để điều chỉnh nội dung về Vốn điều lệ tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp – Công ty cổ phần, Giấy phép hoạt động và Điều lệ ngân hàng sau khi hoàn thành Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký lưu ký bổ sung cổ phiếu tại Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh sau khi hoàn thành Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức;
- Tiến hành các công việc, thủ tục có liên quan khác để thực hiện Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2.2 Cấu phần 2: Phương án phát hành 136.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (“Phương án phát hành cho cổ đông hiện hữu”)

- a. Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.
- b. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 136.000.000 cổ phiếu.
- c. Tổng giá trị theo mệnh giá dự kiến phát hành: 1.360.000.000.000 đồng (*Một nghìn ba trăm sáu mươi tỷ đồng*).
- d. Tổng số vốn điều lệ dự kiến tăng thêm: 1.360.000.000.000 đồng (*Một nghìn ba trăm sáu mươi tỷ đồng*).
- e. Tỷ lệ cổ phiếu phát hành/Số lượng cổ phiếu đang lưu hành hiện tại: 11,2513%
(Tỷ lệ cổ phiếu phát hành/Số lượng cổ phiếu lưu hành tại thời điểm phát hành có thể thay đổi phụ thuộc vào số lượng cổ phiếu lưu hành thực tế tại thời điểm phát hành và sẽ được Hội đồng quản trị xác định tại thời điểm phát hành).
- f. Hình thức phát hành: phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
- g. Đối tượng được mua: các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của SeABank tại thời điểm chốt danh sách trước khi phát hành cổ phiếu để tăng vốn.
- h. Giá phát hành:

Căn cứ giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2020 theo BCTC hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán là 11.310 đồng/cổ phiếu.

Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền HĐQT quyết định mức giá bán cụ thể nhưng không thấp hơn mức giá trị sổ sách nói trên.

- i. Tỷ lệ thực hiện quyền: Giao Hội đồng quản trị xác định tại thời điểm triển khai thực hiện phát hành.
- j. Nguyên tắc làm tròn: Số cổ phần được phát hành thêm hoặc mua thêm sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống.
- k. Chuyển nhượng quyền mua: Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần (người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng quyền mua cho người thứ ba).
- l. Nguyên tắc xử lý cổ phiếu lẻ: Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (được dùng để mua cổ phiếu theo quyết định của ĐHCĐ hoặc/ và HĐQT) để giao cho Công đoàn SeABank Hội sở mua và quản lý toàn bộ số cổ phần lẻ phát sinh.
- m. Phương án xử lý cổ phần chưa chào bán hết: Giao Hội đồng Quản trị quyết định đối tượng chào bán, giá chào bán theo nguyên tắc không ưu đãi hơn so với giá đã phát hành cho cổ đông hiện hữu. Số cổ phiếu này bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định.
- n. Các điều kiện liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của từng đối tượng: Theo quy định của Pháp luật.
- r. Thời điểm phát hành: Trong năm 2021 hoặc theo quyết định của HĐQT SeABank.
- o. Thời gian dự kiến hoàn thành: Trong năm 2021 và phù hợp quyết định của HĐQT theo tình hình thực tế và phê duyệt của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- p. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành:

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán được SeABank sử dụng cho các mục đích sau:

 - Cho vay khách hàng doanh nghiệp, cá nhân;
 - Đầu tư Trái phiếu Tổ chức tín dụng và trái phiếu Chính phủ (Dự kiến đầu tư bổ sung các khoản trái phiếu có độ rủi ro thấp).

Ủy quyền Hội đồng quản trị tùy tình hình thực tế quyết định, điều chỉnh số tiền sử dụng cho từng mục đích nói trên.
- q. Giao và ủy quyền cho HĐQT:
 - Xây dựng phương án chi tiết để sửa đổi, bổ sung Phương án phát hành cho cổ đông hiện hữu; hoàn thiện hồ sơ, thủ tục theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền và phù hợp với quy định của pháp luật;
 - Quyết định thời điểm thực hiện chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền phát hành cho cổ đông hiện hữu và thực hiện các thủ tục xin chấp thuận của các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện Phương án phát hành cho cổ đông hiện hữu;
 - Thực hiện các thủ tục để điều chỉnh nội dung về Vốn điều lệ tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp – Công ty cổ phần, Giấy phép hoạt động và Điều lệ ngân hàng sau khi hoàn thành Phương án phát hành cho cổ đông hiện hữu;

- Thực hiện các thủ tục đăng ký lưu ký bổ sung cổ phiếu tại Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh sau khi hoàn thành Phương án phát hành cho cổ đông hiện hữu;
- Tiến hành các công việc, thủ tục có liên quan khác để thực hiện Phương án phát hành cho cổ đông hiện hữu theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2.3 Cấu phần 3: Phương án phát hành hành 23.500.000 cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn dành cho Cán bộ nhân viên của SeABank năm 2021 (“Phương án phát hành ESOP 2021”)

- a. Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.
- b. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 23.500.000 cổ phiếu.
- c. Tổng giá trị theo mệnh giá dự kiến phát hành: 235.000.000.000 đồng (*Hai trăm ba mươi lăm tỷ đồng*).
- d. Tổng số vốn điều lệ dự kiến tăng thêm: 235.000.000.000 đồng (*Hai trăm ba mươi lăm tỷ đồng*).
- e. Tỷ lệ cổ phiếu phát hành/Số lượng cổ phiếu đang lưu hành hiện tại: 1,9442%
(Tỷ lệ cổ phiếu phát hành/Số lượng cổ phiếu lưu hành tại thời điểm phát hành có thể thay đổi phụ thuộc vào số lượng cổ phiếu lưu hành thực tế tại thời điểm phát hành và sẽ được Hội đồng quản trị xác định tại thời điểm phát hành)
- f. Đối tượng được mua: CBNV của SeABank và/hoặc CBNV của các công ty con của SeABank theo danh sách và tiêu chí do HĐQT quyết định.
- g. Giá phát hành:
 Căn cứ giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2020 theo BCTC hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán là 11.310 đồng/cổ phiếu.
 Nhằm thu hút và gắn kết các CBNV với sự phát triển của SeABank, Hội đồng quản trị đề xuất Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền HĐQT quyết định mức giá bán cụ thể cho CBNV của SeABank nhưng không thấp hơn mức giá trị sổ sách nói trên.
- h. Điều kiện hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu phát hành cho CBNV theo Phương án phát hành ESOP 2021 bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 01 năm kể từ thời điểm kết thúc đợt phát hành. Giao HĐQT quyết định các điều kiện, thời gian hạn chế chuyển nhượng phù hợp với chính sách nhân sự trong từng thời kỳ.
- i. Phương án xử lý cổ phần chưa chào bán hết: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với các quy định của Pháp luật và SeABank.
- j. Các điều kiện liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của từng đối tượng: Theo quy định của Pháp luật.
- k. Thời điểm phát hành: Giao HĐQT quyết định thời gian thực hiện cụ thể phù hợp với tình hình thực tế và phê duyệt của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- l. Thời gian dự kiến hoàn thành: Trong năm 2021 và phù hợp quyết định của HĐQT theo tình hình thực tế và phê duyệt của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- m. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành: Số tiền thu được từ Phương án phát hành ESOP 2021 được sử dụng để cho vay khách hàng doanh nghiệp, cá nhân. Giao HĐQT quyết định và/hoặc điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình thực tế và quy định của pháp luật.
- n. Giao và ủy quyền cho HĐQT:
 - Xây dựng phương án chi tiết để sửa đổi, bổ sung Phương án phát hành theo Chương trình lựa chọn dành cho CBNV của SeABank năm 2021, hoàn thiện hồ sơ, thủ tục theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền và phù hợp với quy định của pháp luật;
 - Quyết định tiêu chuẩn và danh sách CBNV được tham gia chương trình, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và thời gian thực hiện;
 - Quyết định số lượng cổ phiếu phát hành theo Chương trình này, nguyên tắc làm tròn, nguyên tắc xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có) và phương án xử lý số cổ phần chưa chào bán hết đảm bảo số lượng tối đa không vượt quá 23.500.000 cổ phiếu;
 - Quyết định việc chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của CBNV thuộc đối tượng tham gia Chương trình này;
 - Quyết định mức giá bán dành cho CBNV;
 - Quyết định phê duyệt triển khai phương án, các thỏa thuận, các điều kiện cam kết của CBNV khi tham gia Chương trình này;
 - Quyết định thời điểm phát hành phù hợp với kế hoạch phát hành cổ phiếu của SeABank trong năm 2021.
 - Quy định về hình thức mua lại và/hoặc thu hồi cổ phiếu của CBNV tham gia Chương trình này, bao gồm nhưng không giới hạn việc: Giao Công đoàn SeABank Hội sở mua lại; đại diện, quản lý toàn bộ số cổ phiếu mua lại của CBNV theo Chương trình này để làm nguồn cổ phiếu thưởng cho CBNV SeABank theo chính sách nhân sự trong từng thời kỳ; Nguồn tiền mà Công đoàn SeABank Hội sở sử dụng để mua lại;
 - Thực hiện các thủ tục xin chấp thuận của các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện Phương án phát hành ESOP 2021;
 - Thực hiện các thủ tục để điều chỉnh nội dung về Vốn điều lệ tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp – Công ty cổ phần, Giấy phép hoạt động và Điều lệ ngân hàng sau khi hoàn thành Phương án phát hành ESOP 2021;
 - Thực hiện các thủ tục đăng ký lưu ký bổ sung cổ phiếu tại Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh sau khi hoàn thành Phương án phát hành ESOP 2021;
 - Điều chỉnh Phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình thực tế;

- Tiến hành các công việc, thủ tục có liên quan khác để thực hiện Phương án phát hành ESOP 2021 theo quy định của pháp luật hoặc yêu Cầu Nhà nước có thẩm quyền.

2.4 Cấu phần 4: Phương án phát hành riêng lẻ 181.311.631 cổ phiếu (“Phương án phát hành riêng lẻ”)

- a. Loại cổ phiếu phát hành: Cổ phần phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.
- b. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 181.311.631 cổ phiếu. (Số cổ phiếu này có thể được chia thành nhiều đợt phát hành và tổng số lượng cổ phiếu phát hành của các đợt sẽ không vượt quá 181.311.631 cổ phiếu).
- c. Tổng giá trị theo mệnh giá dự kiến phát hành: 1.813.116.310.000 đồng (*Một nghìn chín trăm bốn mươi tám tỷ một trăm mười sáu triệu ba trăm mười nghìn đồng*).
- d. Tổng số vốn điều lệ dự kiến tăng thêm: 1.813.116.310.000 đồng (*Một nghìn chín trăm bốn mươi tám tỷ một trăm mười sáu triệu ba trăm mười nghìn đồng*).
- e. Tỷ lệ cổ phiếu phát hành /Số cổ phần đang lưu hành hiện tại: 15,0000%
(Tỷ lệ cổ phiếu phát hành/Số lượng cổ phiếu lưu hành tại thời điểm phát hành có thể thay đổi phụ thuộc vào số lượng cổ phiếu lưu hành thực tế tại thời điểm phát hành và sẽ được Hội đồng quản trị xác định tại thời điểm phát hành.)
- f. Hình thức phát hành: Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược và/hoặc nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.
- g. Số lượng nhà đầu tư dự kiến: Chào bán cho dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.
- h. Đối tượng được mua: Nhà đầu tư tổ chức/cá nhân trong và ngoài nước có tiềm lực tài chính, đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank và có tỷ lệ sở hữu cổ phần sau đợt phát hành phù hợp với các quy định của pháp luật.
- i. Tiêu chí lựa chọn:
 - i. Đối với Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là tổ chức/cá nhân trong nước: là các nhà đầu tư có năng lực tài chính hoặc có trình độ chuyên môn về chứng khoán, đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện là Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định của Luật chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành, bao gồm:
 - Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty tài chính, tổ chức kinh doanh bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, tổ chức tài chính quốc tế, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, tổ chức tài chính nhà nước được mua chứng khoán theo quy định của pháp luật có liên quan;
 - Công ty có vốn điều lệ đã góp đạt trên 100 tỷ đồng hoặc tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch;
 - Người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán;

- Cá nhân nắm giữ danh mục chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch có giá trị tối thiểu là 02 tỷ đồng theo xác nhận của công ty chứng khoán tại thời điểm cá nhân đó được xác định tư cách là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp;
 - Cá nhân có thu nhập chịu thuế năm gần nhất tối thiểu là 01 tỷ đồng tính đến thời điểm cá nhân đó được xác định tư cách là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế hoặc chứng từ khấu trừ thuế của tổ chức, cá nhân chi trả.
- ii. Đối với Nhà đầu tư chiến lược là tổ chức/cá nhân trong nước: nhà đầu tư có năng lực tài chính, trình độ công nghệ và có cam kết hợp tác với SeABank trong thời gian ít nhất 03 năm.
- iii. Đối với Nhà đầu tư là tổ chức/cá nhân nước ngoài mua cổ phần dẫn đến mức sở hữu dưới 10% vốn điều lệ (tính trên số vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành): Các tiêu chí đối với Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và Nhà đầu tư chiến lược giống với các tiêu chí áp dụng cho các nhà đầu tư trong nước đã nêu tại mục (i) và (ii) của điểm này.
- iv. Đối với Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài mua cổ phần dẫn đến mức sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên (tính trên số vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành): Các tiêu chí đối với Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và Nhà đầu tư chiến lược giống với các tiêu chí áp dụng cho các nhà đầu tư trong nước đã nêu tại mục (i) và (ii) của điểm này. Ngoài ra, Nhà đầu tư phải đáp ứng các điều kiện đối với tổ chức nước ngoài mua cổ phần dẫn đến mức sở hữu từ 10% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng Việt Nam trở lên, bao gồm:
- Được các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế có uy tín xếp hạng từ mức ổn định hoặc tương đương trở lên.
 - Có đủ nguồn tài chính để mua cổ phần được xác định theo báo cáo tài chính được kiểm toán độc lập năm liền kề trước năm nộp hồ sơ và nguồn vốn mua cổ phần hợp pháp theo quy định của pháp luật.
 - Việc mua cổ phần không gây ảnh hưởng đến sự an toàn, ổn định của hệ thống tổ chức tín dụng Việt Nam; không tạo ra sự độc quyền hoặc hạn chế cạnh tranh trong hệ thống tổ chức tín dụng Việt Nam.
 - Không vi phạm nghiêm trọng pháp luật về tiền tệ, ngân hàng, chứng khoán và thị trường chứng khoán của nước nơi nhà đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính và Việt Nam trong thời hạn 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ mua cổ phần.
 - Có tổng tài sản tối thiểu tương đương 10 tỷ đô la Mỹ đối với nhà đầu tư nước ngoài là ngân hàng, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính hoặc có mức vốn điều lệ tối thiểu tương đương 1 tỷ đô la Mỹ đối với nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức khác vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ mua cổ phần.
- Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định tiêu chí lựa chọn cụ thể, số lượng nhà đầu tư (bao gồm cả Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và Nhà đầu tư chiến lược), danh sách cụ thể, số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư.
- j. Giá phát hành dự kiến: Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền cho HĐQT đàm phán và quyết định mức giá bán cụ thể cho các Nhà đầu tư trong một đợt và/hoặc từng đợt phát hành theo nguyên tắc: không thấp hơn giá trị sổ sách của SeABank tại thời điểm gần nhất.

k. Phương án xử lý cổ phiếu không chào bán hết: Giao Hội đồng quản trị quyết định theo tình hình thực tế triển khai.

l. Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu phát hành riêng lẻ bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật tại thời điểm chào bán. Giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định khi triển khai chào bán phù hợp với quy định của pháp luật.

m. Các điều kiện liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của từng đối tượng: Theo quy định của Pháp luật.

n. Các đợt dự kiến phát hành và phương án phát hành cho từng đợt: Phương án phát hành riêng lẻ có thể chia thành nhiều Đợt phát hành riêng lẻ.

Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định việc thực hiện Phương án phát hành riêng lẻ thành một hoặc nhiều Đợt phát hành riêng lẻ, số lượng cổ phần chào bán của từng đợt với điều kiện tổng số lượng cổ phần phát hành của tất cả các đợt không vượt quá 181.311.631 cổ phần và đảm bảo khoảng cách giữa các đợt phát hành theo quy định của pháp luật.

o. Thời điểm phát hành: Trong năm 2021-2022.

Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định thời gian thực hiện Phương án phát hành riêng lẻ và/hoặc thời gian thực hiện từng Đợt phát hành riêng lẻ phù hợp với tình hình thực tế và quy định của pháp luật.

p. Thời gian dự kiến hoàn thành: Trong năm 2021-2022.

q. Phương án sử dụng vốn thu được từ Phương án phát hành riêng lẻ:

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán được SeABank sử dụng cho các mục đích sau:

- Cho vay khách hàng doanh nghiệp, cá nhân;
- Đầu tư Trái phiếu Tổ chức tín dụng và trái phiếu Chính phủ (Dự kiến đầu tư bổ sung các khoản trái phiếu có độ rủi ro thấp).

Ủy quyền Hội đồng quản trị tùy tình hình thực tế quyết định, điều chỉnh số tiền sử dụng cho từng mục đích nói trên.

r. Về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa:

Trong trường hợp SeABank phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài, tùy tình hình thực tế, Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại SeABank theo nguyên tắc số cổ phần nhà đầu tư nước ngoài sở hữu không quá 181.311.631 cổ phần, đồng thời sửa đổi khoản 5 tại Điều 30 - Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Điều lệ SeABank tương ứng với tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa do Hội đồng quản trị quyết định tại thời điểm thực hiện.

s. Nội dung khác: những người có quyền lợi liên quan đến Phương án phát hành riêng lẻ này không được tham gia biểu quyết.

t. Giao và ủy quyền cho HĐQT:

- Tính toán số liệu, xây dựng phương án tăng vốn chi tiết, lập hồ sơ báo cáo phát hành và thực hiện các thủ tục xin chấp thuận của các Cơ quan Nhà nước có thẩm

quyền để thực hiện Phương án phát hành riêng lẻ hoặc từng Đợt phát hành riêng lẻ theo Quyết định của HĐQT;

- Quyết định, lựa chọn danh sách các nhà đầu tư; thực hiện đàm phán, quyết định số lượng cổ phần chào bán, mức giá chào bán cho từng nhà đầu tư trong từng Đợt phát hành riêng lẻ và ký kết các hợp đồng/văn bản có liên quan với các nhà đầu tư;
- Quyết định thời gian thực hiện, phương thức và giá bán cổ phần cụ thể của từng Đợt phát hành riêng lẻ đảm bảo phù hợp với kế hoạch phát hành cổ phiếu của SeABank trong năm 2021, phù hợp với quy định của Pháp luật, SeABank và diễn biến thị trường tại thời điểm phát hành.
- Thực hiện các thủ tục để điều chỉnh nội dung về Vốn điều lệ tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp – Công ty cổ phần, Giấy phép hoạt động và Điều lệ ngân hàng sau khi hoàn thành Phương án phát hành riêng lẻ hoặc từng Đợt phát hành riêng lẻ;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký lưu ký bổ sung cổ phiếu tại Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh sau khi hoàn thành Phương án phát hành riêng lẻ hoặc từng Đợt phát hành riêng lẻ;
- Lựa chọn công ty Chứng khoán làm đại lý thực hiện giao dịch (nếu cần);
- Tiến hành các công việc, thủ tục có liên quan khác để thực hiện Phương án phát hành riêng lẻ hoặc từng Đợt phát hành riêng lẻ theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

3. Mức độ pha loãng của cổ phiếu phát hành:

Phương án phát hành để tăng vốn điều lệ trên sẽ dẫn tới rủi ro pha loãng cổ phần như sau:

- ***Pha loãng về giá tham chiếu***

+ Đối với Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền, giá tham chiếu của cổ phiếu SSB tại ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ được điều chỉnh như sau:

$$P_1 = \frac{P}{1 + I}$$

Trong đó:

P_1 : Giá tham chiếu của cổ phiếu SSB tại ngày giao dịch không hưởng quyền

P : Giá đóng cửa của cổ phiếu SSB tại ngày trước ngày giao dịch không hưởng quyền

I : Tỷ lệ phát hành cổ phiếu trả cổ tức

+ Đối với Phương án phát hành theo Chương trình lựa chọn cho người lao động và Phương án phát hành riêng lẻ: không điều chỉnh giá tham chiếu.

- ***Pha loãng về Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS)***

Công thức tính:

$$\text{EPS} = \frac{\text{Lãi (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Lượng cổ phiếu phát hành thêm sẽ làm tăng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của SeABank dẫn tới sự pha loãng giá trị cổ phiếu.

Trong điều kiện doanh thu và lợi nhuận chưa tăng kịp so với tốc độ tăng trưởng của vốn điều lệ, thu nhập trên cổ phiếu sẽ bị giảm do lợi nhuận sau thuế của SeABank được chia cho số lượng cổ phiếu nhiều hơn.

- ***Pha loãng giá sổ sách trên mỗi cổ phần (BVPS)***

Công thức tính:

$$\text{BVPS} = \frac{\text{Giá trị vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Tại thời điểm kết thúc đợt chào bán, nếu tốc độ tăng vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phần đang lưu hành sau đợt phát hành thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ giảm.

- ***Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông.***

Việc SeABank cũng thực hiện phát hành 112.244.161 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu thông qua việc trả cổ tức bằng cổ phiếu không làm ảnh hưởng pha loãng tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của cổ đông.

Đối với việc phát hành cổ phiếu ra thị trường cho cổ đông hiện hữu với khối lượng dự kiến phát hành là 136.000.000 cổ phiếu (tỷ lệ phát hành/ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành hiện tại là 11,2513%), rủi ro pha loãng tỷ lệ sở hữu xảy ra khi cổ đông từ chối thực hiện quyền mua cổ phiếu, khi đó tỷ lệ sở hữu cổ phiếu hay quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu sẽ bị giảm xuống. Tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm xuống (pha loãng) khi SeABank thực hiện phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho CBNV và phát hành cổ phiếu riêng lẻ với khối lượng phát hành dự kiến 23.500.000 cổ phiếu theo Phương án phát hành ESOP 2021 (tương đương tỷ lệ cổ phiếu phát hành thêm/số cổ phiếu đang lưu hành hiện tại là 1,9442%) và 181.311.631 cổ phiếu theo Phương án phát hành riêng lẻ (tương đương tỷ lệ cổ phiếu phát hành thêm/Số cổ phiếu đang lưu hành hiện tại là 15,0000%).

4. Các quy định khác

Việc tăng vốn từ nguồn phát hành cổ phiếu mới đảm bảo chấp hành đúng các quy định về tỷ lệ góp vốn của các cổ đông, các giới hạn sở hữu cổ phần theo quy định của Luật các TCTD năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các quy định của pháp luật khác có liên quan. Thời gian hoàn thành việc tăng vốn: Dự kiến trong năm 2021 và/hoặc thời điểm khác phù hợp theo quyết định của HĐQT và chấp thuận của các Cơ quan có thẩm quyền.

III. Hiệu quả kinh doanh trên cơ sở mức vốn điều lệ mới

Theo kế hoạch tăng vốn lên 16.598.000.000.000 đồng, SeABank dự kiến một số chỉ tiêu chính của kế hoạch kinh doanh năm 2021 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021
A	Tổng tài sản	180.207.288	198.229.368
1	Tiền mặt, vàng bạc đá quý	1.012.228	1.113.451
2	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	3.374.359	3.711.795
3	Tiền, vàng gửi tại TCTD khác và cho vay các TCTD khác	25.741.179	25.827.954
4	Chứng khoán kinh doanh	2.693.849	3.193.849
5	Công cụ tài chính phái sinh	144.604	144.604
5	Cho vay khách hàng	107.760.914	121.219.114
	Trong đó: Số dư cho vay	108.869.236	122.978.236
	<i>Dự phòng rủi ro</i>	(1.108.322)	(1.759.122)
6	Chứng khoán đầu tư	32.180.304	35.172.804
	<i>Trong đó: Số dư chứng khoán đầu tư</i>	32.220.501	35.220.501
	<i>Dự phòng rủi ro</i>	(40.197)	(47.697)
7	Góp vốn, đầu tư dài hạn	102.912	102.912
8	Tài sản cố định	862.487	1.042.822
9	Bất động sản đầu tư	240.934	240.934
8	Tài sản có khác	6.093.518	6.459.129
B	Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	180.207.288	198.229.368
1	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	205.702	205.702
2	Tiền gửi và vay TCTD khác	42.516.673	43.867.486
3	Tiền gửi của khách hàng	113.276.597	124.276.597
4	Công cụ tài chính phái sinh	1.020	1.020
5	Phát hành giấy tờ có giá	7.064.740	7.064.740
6	Các khoản nợ khác	3.472.178	3.819.396
7	Vốn và các quỹ	13.670.378	18.994.427
	Vốn của TCTD	12.087.442	16.598.000
	Quỹ của TCTD	456.110	842.296
	Lợi nhuận chưa phân phối	1.126.826	1.554.131
C	Lợi nhuận trước thuế	1.728.936	2.413.668
D	Lợi nhuận sau thuế	1.360.465	1.930.933

Theo đó, Tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng của SeABank như sau:

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021
1	Tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ ($\geq 9\%$)	11,07%	$\geq 9\%$
2	Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất ($\geq 9\%$)	11,50%	$\geq 9\%$
3	Tỷ lệ nợ xấu ($\leq 3\%$)	1,86%	$\leq 3\%$
4	Tỷ lệ dự trữ thanh khoản ($\geq 10\%$)	11,74%	$\geq 10\%$
5	Tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn ($\leq 45\%$, năm 2019 yêu cầu $\leq 40\%$)	22,80%	$\leq 45\%$
6	Tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu CP so với nguồn vốn ngắn hạn ($\leq 35\%$)	16,55%	$\leq 35\%$
7	ROA	0,81%	1,02%
8	ROE	11,06%	13,2%

IV. Tính khả thi của phương án tăng vốn điều lệ

1. Về nguồn vốn để tăng vốn điều lệ

SeABank sử dụng nguồn lợi nhuận chưa phân phối, các Quỹ để phát hành cổ phiếu tăng vốn và chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu, các CBNV SeABank và/hoặc các cá nhân, tổ chức có tiềm lực tài chính và đủ điều kiện trở thành cổ đông của Ngân hàng theo quy định của pháp luật và của SeABank tại thời điểm chào bán.

2. Về hiệu quả hoạt động

Với mức tăng vốn điều lệ trên một số chỉ tiêu chính đến cuối năm 2021 của SeABank dự kiến như sau ROA là 1,02%, ROE là 13,2%

3. Về khả năng quản trị điều hành, năng lực quản lý, giám sát của SeABank đối với quy mô vốn và quy mô hoạt động khi tăng vốn điều lệ mới

3.1 HĐQT SeABank nhiệm kỳ 2018-2023 hiện có 07 thành viên trong đó có 01 thành viên độc lập. Các thành viên HĐQT của SeABank đều đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật các TCTD năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD, là các cá nhân có năng lực, trình độ chuyên môn cao, tất cả đều tốt nghiệp đại học hoặc trên đại học, là những cá nhân có nhiều kinh nghiệm quản trị trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, có tầm nhìn chiến lược, có tinh thần đoàn kết, có tâm huyết. Các thành viên HĐQT SeABank đã có nhiều đóng góp tích cực trong công tác quản trị hoạt động, góp phần vào sự phát triển ổn định và bền vững của SeABank.

3.2 Ban Tổng Giám đốc của SeABank hiện nay có 09 thành viên và là những cá nhân giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn mà mình phụ trách nói riêng và ngành ngân hàng nói chung. Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đều có khả năng và kinh nghiệm quản trị điều hành, đã gắn bó lâu dài với SeABank và tâm huyết với công việc. Trong công tác, các thành viên Ban Tổng Giám đốc luôn nhanh chóng nắm bắt cũng như thực hiện đúng và triển khai hiệu quả các định hướng, chiến lược, kế hoạch của HĐQT, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Cơ chế quản trị và điều hành thống nhất, hiệu quả và có sự phối hợp thường xuyên giữa HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong mỗi hoạt động. Bên cạnh đó, sự tham gia thường xuyên của các thành viên HĐQT trong công tác quản trị Ngân hàng là một yếu tố giúp SeABank hoạt động an toàn, hiệu quả.

- 3.3 SeABank đã xây dựng và kiện toàn được hệ thống kiểm tra và kiểm soát nội bộ hoàn chỉnh từ cấp cơ sở đến Hội sở thông qua việc ban hành hệ thống các quy định, quy trình, quy chế toàn diện, thống nhất, đồng bộ. Trong đó, Khối Pháp chế và Tuân thủ tại Hội sở là đơn vị đầu mối, tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong công tác kiểm soát nội bộ. Khối Pháp chế và Tuân thủ bao gồm Tuân Thủ và Pháp chế chia theo khu vực quản lý. Tại Tuân thủ được chia thành các mảng kiểm soát theo nghiệp vụ như bộ phận kiểm soát tín dụng, bộ phận kiểm soát tuân thủ kế toán tài chính, ngân quỹ ... nhằm chuyên môn hóa hoạt động kiểm soát tuân thủ theo từng lĩnh vực hoạt động và từng khu vực của SeABank.
- 3.4 SeABank đã thành lập và đưa vào hoạt động Khối Quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc từ năm 2008 dưới sự tư vấn của cố đồng chiến lược nước ngoài. Khối Quản trị rủi ro hiện đã được cơ cấu lại và thành lập mới trên cơ sở Khối Tín dụng và Quản trị rủi ro nhằm phù hợp với yêu cầu thực tế hoạt động của SeABank. SeABank cũng thành lập Ban Dự án Basel II trực thuộc Khối này là đầu mối nghiên cứu, tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc để triển khai áp dụng Basel II trên toàn hệ thống. Năm 2019, SeABank đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt áp dụng trước thời hạn Thông tư 41/2016/TT-NHNN - trụ cột 1 (yêu cầu vốn tối thiểu) và trụ cột 3 (nguyên tắc thị trường) của Basel II. Bước sang năm 2020, SeABank tiếp tục hoàn thành Quy trình đánh giá nội bộ về mức đủ vốn (ICAAP) - trụ cột 2 của Basel II. Qua đó, SeABank trở thành ngân hàng thứ 5 tại Việt Nam hoàn thành đủ cả 3 trụ cột theo Basel II trước thời hạn vào tháng 6/2020.
- 3.5 Phòng Kiểm toán nội bộ đã được SeABank thành lập từ năm 2006 trên cơ sở tái cấu trúc từ Bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc Ban Kiểm soát và đã được cơ cấu lại theo đúng yêu cầu tại Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Thông tư số 40/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018 của Thống đốc NHNN Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-NHNN (sau đây gọi chung là Thông tư 13). Đơn vị này thường xuyên tổ chức các cuộc kiểm toán định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền nhằm rà soát, đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập và đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động nghiệp vụ góp phần đảm bảo an toàn chung trong hoạt động ngân hàng. Đồng thời, SeABank cũng đã ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ và Quy trình kiểm toán nội bộ mới theo Thông tư 13.
- 3.6 SeABank đã đầu tư mới hệ thống phần mềm quản trị lõi T24 của Thụy Sĩ và đã sử dụng ổn định từ năm 2006. Năm 2019, SeABank cũng là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam nâng cấp thành công phần mềm quản trị lõi ngân hàng T24 Temenos lên phiên bản R18 - phiên bản hiện đại nhất thế giới hiện nay với nhiều tính năng quan trọng. Việc nâng cấp cũng giúp cập nhật công nghệ mới nhằm nâng cao năng suất, tốc độ vận hành của hệ thống. Đây là cơ sở nền tảng của việc tạo ra các dịch vụ ngân hàng hiện đại, chính xác, tự động, trực tuyến, có nhiều giá trị cho khách hàng khi đồng thời cho phép SeABank có được các công cụ tiên tiến, tự động và đa chiều trong việc quản trị khách hàng, quản trị rủi ro. Ngoài ra một tính năng nổi trội khác của T24 là việc hỗ trợ thực hiện giao dịch qua hệ thống 24h/ngày (Non-stop), xóa bỏ tình trạng giao dịch qua hệ thống bị ngừng trệ trong thời gian quyết toán theo phương thức khóa ngày truyền thống. Với Non-stop, nhân viên và khách hàng có thể truy cập vào hệ thống vào mọi thời điểm trong ngày. Bên cạnh đó, công nghệ điện toán đám mây hiện đại bậc nhất hiện nay đã được áp dụng tại SeABank cho phép Khối Quản lý rủi ro, Khối Pháp chế và Tuân thủ theo dõi, giám sát tập trung các hoạt động kinh doanh của các Chi nhánh/ Phòng Giao dịch trên toàn hệ thống.. SeABank đã được cấp Chứng chỉ PCI DSS 3.2 về an toàn, bảo mật cho hệ thống thẻ thanh toán lần đầu tiên tại Việt Nam. Tiêu chuẩn PCI DSS do Hội đồng Tiêu chuẩn Bảo mật – SSC (Security Standards Council) thiết lập dành cho thẻ thanh toán. Tham gia

Hội đồng là các tổ chức thẻ quốc tế lớn trên thế giới như: Visa, MasterCard, American Express (AMEX), Discover Financial Services, JCB International... Để đạt được tiêu chuẩn PCI DSS, các đơn vị cần đáp ứng 12 yêu cầu khắt khe dành cho hệ thống. Đó là các yêu cầu về chính sách an ninh thông tin, quy trình xử lý dữ liệu, cấu trúc mạng máy tính... nhằm đảm bảo an toàn cho dữ liệu thẻ trong suốt quá trình xử lý và lưu trữ tại các ngân hàng hoặc các đơn vị có chức năng thanh toán trực tuyến. Qua đó, các đơn vị hạn chế được các lỗ hổng bảo mật và rủi ro bị đánh cắp thông tin, đồng thời tăng cường bảo vệ dữ liệu lưu trên thẻ và giao dịch thanh toán thẻ. Đặc biệt, với các đơn vị đã từng đạt được chứng chỉ PCI DSS, để tiếp tục nhận được chứng chỉ PCI DSS duy trì cần có mức độ đáp ứng tiêu chuẩn cao hơn so với năm trước.

Như vậy, SeABank hoàn toàn có đủ khả năng quản trị điều hành, năng lực quản lý, giám sát của SeABank đối với quy mô vốn và quy mô hoạt động khi tăng vốn điều lệ mới.

Để việc tăng vốn điều lệ được thực hiện nhanh chóng, theo đúng tiến độ, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc giao và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị: (i) quyết định mức tăng vốn cụ thể các từng cấu phần hoặc từng đợt phát hành; (ii) quyết định thời điểm phát hành của từng cấu phần hoặc từng đợt phát hành trên cơ sở phù hợp với thực tế và nhu cầu sử dụng vốn của ngân hàng; (iii) quyết định, sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Phương án tăng vốn điều lệ; (iv) ký, tổ chức thực hiện các văn bản, tài liệu, hồ sơ có liên quan đến việc tăng vốn điều lệ; (v) Sửa đổi điều lệ, điều chỉnh giấy phép hoạt động và đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Công ty cổ phần của SeABank theo mức vốn phát hành thành công thực tế; (vi) thực hiện mọi thủ tục có liên quan đến việc tăng vốn điều lệ với Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về đăng ký kinh doanh các cấp và/hoặc các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác có liên quan theo quy định của pháp luật; (vii) thực hiện các thủ tục để đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh; (viii) các công việc khác có liên quan và cần thiết (nếu có) để hoàn thành Phương án tăng vốn điều lệ theo quy định pháp luật, chỉ đạo, yêu cầu của các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và thực tế triển khai tăng vốn điều lệ của SeABank.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



LÊ VĂN TÀN

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SỞ HỮU TỪ 05% TRỞ LÊN SO VỚI VỐN ĐIỀU LỆ TRƯỚC VÀ SAU KHI TĂNG VỐN THEO PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TRẢ CỐ TỨC CỦA NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á

STT	Họ và tên cổ đông	MSDN	Địa chỉ trụ sở chính	SO VỚI VỐN ĐIỀU LỆ TRƯỚC KHI TĂNG VỐN			SO VỚI VỐN ĐIỀU LỆ SAU KHI TĂNG VỐN				
				Số lượng cổ phần từng loại			Tỷ lệ sở hữu cổ phần/ VDL của SeABank	Số lượng cổ phần từng loại			Tỷ lệ sở hữu cổ phần/ VDL của SeABank
				Cổ phần phổ thông	Cổ phần ưu đãi biểu quyết	Cổ phần ưu đãi khác		Cổ phần ưu đãi biểu quyết	Cổ phần ưu đãi khác		
1	Công Ty TNHH Triển và Đầu Tư Phú Mỹ	0103111713	Số 14 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	79.354.069	0	79.354.069	6,565%	86.591.636	0	86.591.636	6,565%

39
ÀN
CÔ
4M
IP

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN SỞ HỮU TỪ 20% TRỞ LÊN SO VỚI VỐN ĐIỀU LỆ TRƯỚC VÀ SAU KHI TĂNG VỐN THEO PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TRẢ CỔ TỨC CỦA NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á

[illegible]

